

Số: /BC-STC

Lai Châu, ngày 26 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

Công khai số liệu, thuyết minh dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2026 trình HĐND cấp tỉnh

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

Trên cơ sở dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 được UBND tỉnh báo cáo - trình HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ ba mươi tư tại Tờ trình số 7434/TTr-UBND ngày 20/11/2025. Sở Tài chính báo cáo công khai số liệu, thuyết minh dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2026 trình HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

A. DỰ TOÁN THU NSDP NĂM 2026

I. Dự toán thu NSDP: 10.793.595 triệu đồng, tăng 2,2% (231.066 triệu đồng) so với dự toán Trung ương giao, giảm 12% so ước thực hiện dự toán năm 2025.

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn

Dự toán Trung ương giao: 2.479.000 triệu đồng (Thu nội địa: 2.458.000 triệu đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 21.000 triệu đồng).

Địa phương xây dựng dự toán: 2.727.000 triệu đồng (Thu nội địa: 2.700.000 triệu đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 27.000 triệu đồng), tăng 9,8% so với dự toán Trung ương giao, giảm 12% so với ước thực hiện năm 2025. Nếu loại trừ các khoản thu từ đất, thu xuất nhập khẩu thì dự toán 2026 tăng 11% so với dự toán Trung ương giao, cụ thể như sau, cụ thể như sau:

a) Thu nội địa: Tổng số thu nội địa 2.700.000 triệu đồng (trong đó ngân sách địa phương hưởng: 2.488.776 triệu đồng).

(1) Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý: 1.080.000 triệu đồng, tăng 11% so với dự toán Trung ương giao, giảm 7% so với ước thực hiện dự toán năm 2025.

(2) Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 7.000 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, tăng 35% so với ước thực hiện năm 2025.

(3) Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: 8.000 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, tăng 4% so với ước thực hiện năm 2025.

(4) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 877.000 triệu đồng, tăng 12% so với dự toán Trung ương giao, bằng 95% so với ước thực hiện năm 2025.

(5) Lệ phí trước bạ: 70.000 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, bằng 95% so với ước thực hiện dự toán năm 2025.

(6) Thuế thu nhập cá nhân: 63.000 triệu đồng, tăng 15% so với dự toán Trung ương giao và tăng 1,2% so với ước thực hiện dự toán năm 2025.

(7) Thuế bảo vệ môi trường: 75.000 triệu đồng, bằng 100% dự toán Trung ương giao, tăng 21% so với ước thực hiện dự toán năm 2025.

(8) Thu phí và lệ phí: 38.900 triệu đồng, tăng 4% so với dự toán Trung ương giao, tăng 25% so với ước thực hiện năm 2025.

(9) Thu tiền sử dụng đất: 190.000 triệu đồng, tăng 6% so với dự toán Trung ương giao, tăng 51% so với ước thực hiện năm 2025.

(10) Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: 14.600 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, tăng 96% so với ước thực hiện năm 2025.

(11) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 180.000 triệu đồng, tăng 9% so với dự toán Trung ương giao, bằng 91% so với ước thực hiện năm 2025.

(12) Thu khác ngân sách: 70.000 triệu đồng, tăng 8% so với dự toán Trung ương giao, bằng 68% so với ước thực hiện năm 2025.

(13) Thu xổ số kiến thiết: 25.500 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, tăng 5% so với ước thực hiện dự toán năm 2025.

(14) Thu tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 200 triệu đồng, tăng 100% so với dự toán Trung ương giao, bằng 67% so với ước thực hiện dự toán năm 2025.

(15) Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích: 300 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, bằng 47% so với ước thực hiện năm 2025.

(16) Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế NSDP hưởng 100%: 300 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, tăng 24% so với ước thực hiện năm 2025.

(17) Thu hồi vốn Nhà nước đầu tư tại các tổ chức kinh tế: 200 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao.

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 27.000 triệu đồng, tăng 29% so với dự toán Trung ương giao, tăng 61% so với ước thực hiện dự toán năm 2025

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 8.168.459 triệu đồng, (bao gồm: *Bổ sung cân đối: 6.590.656 triệu đồng; bổ sung có mục tiêu: 1.577.803 triệu đồng*).

3 Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang: 136.360 triệu đồng.

II. Giao dự toán thu NSNN trên địa bàn

1. Ngân sách tỉnh: 2.074.200/1.809.790 triệu đồng, tăng 15% so với dự toán giao năm 2025.

2. Ngân sách các xã, phường: 652.800/8.518 triệu đồng, tăng 644.282 triệu đồng so với dự toán giao điều chỉnh năm 2025 khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

(1) Xã Mường Kim: 10.500/246 triệu đồng, tăng 10.254 triệu đồng so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(2) Xã Khoen On: 4.900/85 triệu đồng, tăng 4.815 triệu đồng so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(3) Xã Than Uyên: 33.450/2.829 triệu đồng, tăng 30.621 triệu đồng so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(4) Xã Mường Than: 10.500/262 triệu đồng, tăng 10.238 triệu đồng so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(5) Xã Pắc Ta: 7.000/80 triệu đồng, tăng 6.920 triệu đồng so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(6) Xã Nậm Sỏ: 550/30 triệu đồng, tăng 520 triệu đồng so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(7) Xã Tân Uyên: 47.650/499 triệu đồng, tăng 47.151 triệu đồng so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(8) Xã Mường Khoa: 12.500/48 triệu đồng, tăng 12.452 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(9) Xã Bản Bo: 3.620/31 triệu đồng, tăng 3.589 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(10) Xã Bình Lư: 33.515/212 triệu đồng, tăng 33.303 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(11) Xã Tả Lềng: 1.375/46 triệu đồng, tăng 1.329 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(12) Xã Khun Há: 3.190/30 triệu đồng, tăng 3.160 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(13) Phường Tân Phong: 111.500/1.583 triệu đồng, tăng 109.917 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(14) Phường Đoàn Kết: 134.700/915 triệu đồng, tăng 133.785 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(15) Xã Sin Suối Hồ: 24.990/47 triệu đồng, tăng 24.943 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(16) Xã Phong Thổ: 27.750/241 triệu đồng, tăng 27.509 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(17) Xã Sì Lở Lầu: 3.570/53 triệu đồng, tăng 3.517 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(18) Xã Đào San: 5.940/35 triệu đồng, tăng 5.905 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(19) Xã Khổng Lào: 8.300/50 triệu đồng, tăng 8.250 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(20) Xã Tủa Sín Chải: 860/18 triệu đồng, tăng 842 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(21) Xã Sìn Hồ: 13.015/104 triệu đồng, tăng 12.911 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(22) Xã Hồng Thu: 760/23 triệu đồng, tăng 737 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(23) Xã Nậm Tăm: 2.350/30 triệu đồng, tăng 2.320 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(24) Xã Pu Sam Cáp: 1.005/22 triệu đồng, tăng 983 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(25) Xã Nậm Cuối: 1.050/16 triệu đồng, tăng 1.034 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(26) Xã Nậm Mạ: 680/16 triệu đồng, tăng 664 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025

(27) Xã Lê Lợi: 8.500/32 triệu đồng, tăng 8.468 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(28) Xã Nậm Hàng: 11.600/37 triệu đồng, tăng 11.563 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(29) Xã Mường Mô: 1.170/20 triệu đồng, tăng 1.150 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(30) Xã Hua Bum: 8.620/47 triệu đồng, tăng 8.573 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(31) Xã Pa Tần: 34.780/45 triệu đồng, tăng 34.735 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(32) Xã Bum Nura: 6.160/101 triệu đồng, tăng 6.059 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(33) Xã Bum Tở: 54.050/248 triệu đồng, tăng 53.802 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(34) Xã Mường Tè: 1.600/93 triệu đồng, tăng 1.507 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(35) Xã Thu Lũm: 7.250/202 triệu đồng, tăng 7.048 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(36) Xã Pa Ủ: 9.330/68 triệu đồng, tăng 9.262 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(37) Xã Mù Cả: 4.200/36 triệu đồng, tăng 4.164 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

(38) Xã Tà Tổng: 320/40 triệu đồng, tăng 280 triệu đồng so với dự toán giao Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2025.

B. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

1. Nguyên tắc phân bổ

Thứ nhất, bố trí chi thường xuyên theo dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; triệt để tiết kiệm gắn với tinh gọn bộ máy, nâng cao tính tự chủ của đơn vị sự nghiệp

công phù hợp với tình hình thực tế và đặc thù từng lĩnh vực, cắt giảm tối đa chi hội nghị, công tác trong và ngoài nước và các khoản chi chưa thật sự cần thiết.

Thứ hai, bố trí nguồn trả nợ gốc và lãi vay theo kế hoạch trả nợ năm 2026; quản lý chặt chẽ các khoản vay theo khế ước đã ký.

Thứ ba, đảm bảo thực hiện triệt để tiết kiệm ngay từ khâu phân bổ dự toán, lồng ghép sử dụng các nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo hướng ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương thay vì sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương đối với các nhiệm vụ chi, chế độ, chính sách thuộc các lĩnh vực chi theo phân cấp thuộc nhiệm vụ chi của cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương nhằm giảm thiểu áp lực chi đối với ngân sách địa phương.

Thứ tư, dành nguồn kinh phí cho triển khai thực hiện các Đề án, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành; kinh phí tổ chức thực hiện bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2030.

Thứ năm, bố trí đủ nguồn để chi trả các chế độ tiền lương, phụ cấp tiền lương và các chế độ chính sách an sinh xã hội; ưu tiên chi cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; sự nghiệp khoa học và công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, sự nghiệp văn hóa; các nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh thuộc nhiệm vụ của địa phương và chi thực hiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Thứ sáu, bố trí dự phòng, quỹ dự trữ tài chính để đảm bảo nguồn xử lý kịp thời nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong năm.

Trên cơ sở đó, dự kiến bố trí dự toán chi NSNN năm 2026 như sau:

Tổng chi ngân sách trung ương giao: 10.568.529 triệu đồng. Tổng chi ngân sách địa phương: 10.799.595 triệu đồng, tăng: 231.066 triệu đồng tương ứng tăng 2,2% so với dự toán Trung ương giao. Chi ngân sách cấp tỉnh: 5.292.416 triệu đồng, chi ngân sách các xã, phường: 5.507.179 triệu đồng.

II. Chi cân đối ngân sách địa phương: Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 9.720.903 triệu đồng, tăng 8,1% so với dự toán Trung ương giao.

1. Chi đầu tư phát triển: 933.796 triệu đồng, tăng 6,7% so với dự toán Trung ương giao (*Do dành nguồn cân đối ngân sách địa phương để tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung thực hiện ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo, các đối tượng chính sách khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước 50 tỷ đồng*); chiếm 9,6% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

2. Chi trả nợ lãi: 500 triệu đồng.

3. Chi thường xuyên: 8.322.324 triệu đồng, tăng: 388.093 triệu đồng (tương ứng tăng 4,9%) so với dự toán Trung ương giao, chiếm 85,6% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

Dự toán phân bổ đảm bảo theo định mức, chế độ chính sách cho con người (*đã bao gồm các chính sách an sinh xã hội theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025*), bố trí các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; thực hiện cơ cấu lại các khoản chi thường xuyên gắn với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ về tài chính; phân chi thường xuyên còn lại yêu cầu sử dụng hiệu quả để duy trì các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị, vận hành, duy tu, bảo trì cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, chi tiết như sau:

(1) Chi sự nghiệp kinh tế: 937.573 triệu đồng. Bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất lúa; kinh phí sự nghiệp giao thông; kinh phí quy hoạch đô thị và nông thôn; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 40.100 triệu đồng.

(3) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 4.050.158 triệu đồng, tăng 5,2% so với dự toán Trung ương giao.

Dự toán phân bổ đảm bảo các chế độ chính sách đối với đội ngũ giáo viên, viên chức, hợp đồng lao động thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo dự kiến theo biên chế tại dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định tổng biên chế công chức, phê duyệt số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2021/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước và biên chế trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù của tỉnh năm 2026 và học sinh theo quy định của Trung ương và địa phương; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, thực hiện phát triển giáo dục và đào tạo; kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đặc thù của địa phương thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề như: Chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh ở bán trú tại các xã, thôn, bản khu vực III chuyển thành các xã, thôn, bản khu vực I theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023

của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường vùng đặc biệt khó khăn, trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và cơ sở vật chất các trường, lớp học theo kế hoạch; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 43/2023/NQ-HĐND ngày 17/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ cho cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và những người không hưởng lương, phụ cấp từ NSNN tham gia công tác đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng nghiệp vụ trên địa bàn tỉnh năm 2025; kinh phí đào tạo đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Bố trí kinh phí đào tạo nghề lao động nông thôn; bố trí kinh phí đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã theo Nghị quyết Đảng bộ tỉnh; kinh phí thực hiện nhiệm vụ về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực theo quy định của pháp luật: Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý nhà nước, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ công chức của các sở, ngành theo biên chế và kế hoạch của cấp có thẩm quyền và cho những người không hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách nhà nước trong công tác đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng nghiệp vụ trên địa bàn tỉnh. Bố trí kinh phí thực hiện chính sách theo các Đề án, Nghị quyết do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành,

(4) Chi sự nghiệp y tế: 1.002.512 triệu đồng, đã giảm chi thường xuyên hỗ trợ từ ngân sách nhà nước gắn với giảm biên chế hưởng lương từ NSNN theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW. Dự toán kinh phí đã đảm bảo hoạt động thường xuyên của toàn ngành y tế; phụ cấp ưu đãi đối với ngành y tế; phụ cấp hàng tháng cho nhân viên y tế, cô đỡ thôn, bản; kinh phí chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; kinh phí đối ứng các dự án sử dụng nguồn vốn vay, vốn viện trợ theo Hiệp định đã ký kết; kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị; kinh phí phòng chống dịch bệnh; hỗ trợ kinh phí mua Bảo hiểm y tế theo quy định; kinh phí hỗ trợ mức đóng Bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo, học sinh, sinh viên, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đãi ngộ đối với bác sỹ đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh; kinh phí Bảo hiểm y tế đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

(5) Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số: 19.100 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao. Đảm bảo

kinh phí hoạt động thường xuyên, ưu tiên bố trí các nhiệm vụ chuyển tiếp, kinh phí thực hiện các Nghị quyết của tỉnh trên cơ sở không thấp hơn dự toán Trung ương giao theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

(6) Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: 107.042 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí thực hiện các hoạt động văn hóa; hỗ trợ kinh phí thực hiện các Lễ hội theo quy mô cấp tỉnh được cấp thẩm quyền phê duyệt; kinh phí xây dựng và thực hiện hương ước quy ước theo Nghị quyết số 67/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(7) Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 40.857 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền Chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; kinh phí thuê kênh và đường truyền phát sóng kênh truyền hình Lai Châu trên vệ tinh Vinasat1 và trên hệ thống dịch vụ truyền hình Cap,

(8) Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 26.187 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí thực hiện các giải thi đấu theo kế hoạch, kinh phí thực hiện đề án đào tạo năng khiếu thể dục thể thao cho vận động viên thành tích cao; kinh phí tổ chức thực hiện Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh 2026 theo kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

(9) Chi đảm bảo xã hội: 243.464 triệu đồng. Đã bao gồm bố trí kinh phí chi trợ cấp thường xuyên theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ; kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; kinh phí hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm cho người dân tộc thiểu số làm việc tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp; kinh phí đối với người cai nghiện ma túy, người được giao nhiệm vụ hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; kinh phí trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ, ...

(10) Chi quản lý hành chính: 1.452.803 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí chi thường xuyên theo định mức, biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026; kinh phí thực hiện các chính sách đối với tổ chức cơ sở đảng; kinh phí tổ chức Bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021- 2031; kinh phí chi trả chế độ hỗ trợ hàng tháng cho đảng viên được tặng Huy hiệu từ 40 năm tuổi đảng trở lên theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; kinh phí thực hiện chính sách và các hoạt động của cấp uỷ, chính quyền, các đoàn thể, công tác hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, toàn dân xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư, hoà giải ở cơ sở và kinh phí thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác tại

vùng kinh tế đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP; kinh phí thực hiện chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ và Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh. Đối với các nhiệm vụ đặc thù khác, bố trí trên tinh thần tiết kiệm, hạn chế các khoản mua sắm trang thiết bị, tổ chức hội nghị, hội thảo,....

(11) Chi Quốc phòng - An ninh địa phương: 285.333 triệu đồng. Bố trí kinh phí đảm bảo những nhiệm vụ trọng yếu về quốc phòng, an ninh; kinh phí hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với người tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Kinh phí huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ địa phương; kinh phí hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; kinh phí diễn tập phòng thủ dân sự ứng phó thiên tai, ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn và hỗ trợ kinh phí đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

(12) Chi khác ngân sách: 19.966 triệu đồng. Bố trí kinh phí chi cho công tác tôn giáo; các khoản chi khác, trích lập quỹ thi đua khen thưởng; hỗ trợ các đơn vị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh,

(13) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh: 97.229 triệu đồng (Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách đặc thù phát triển sâm Lai Châu; chi một số hoạt động văn hóa nghệ thuật trên địa bàn; chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức về công tác tại xã, phường khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp...).

4. Bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng.

5. Chênh lệch tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao để thực hiện cải cách tiền lương: 155.799 triệu đồng.

6. Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế để thực hiện cải cách tiền lương: 65.000 triệu đồng.

7. Dự phòng ngân sách: 242.484 triệu đồng, bằng 2,5% dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2026.

III. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác: 1.078.692 triệu đồng, tăng 47% so với dự toán năm 2025, bao gồm:

1. Chi bổ sung có mục tiêu (*vốn đầu tư*): 974.486 triệu đồng.

2. Chi bổ sung có mục tiêu (*vốn sự nghiệp*): 104.206 triệu đồng.

C. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2026

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2026, cần quán triệt sâu sắc các định hướng, chủ trương theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030 và tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong đó, tập trung tổ chức thực hiện nhóm giải pháp trọng tâm với nhiệm vụ cụ thể như sau:

Một là, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, quyết liệt triển khai các giải pháp để bứt phá các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

(1) Quyết tâm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, theo dõi sát sao tình hình và ứng phó kịp thời, hiệu quả trước những biến động tình hình kinh tế trong nước và của tỉnh. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, linh hoạt chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ và các chính sách khác nhằm xử lý tốt các vấn đề phát sinh.

(2) Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường quán triệt sâu sắc, tập trung thực hiện các văn bản cấp trên phát triển đất nước trong tình hình mới theo các Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, phát huy tối đa tinh thần đoàn kết, khả năng sáng tạo, hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao. Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2026, định hướng đến năm 2030, các chiến lược phát triển kinh tế số và xã hội số. Hoàn thiện đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, các hệ thống thông tin đảm bảo tính liên thông, kết nối, chia sẻ dữ liệu từ địa phương đến Trung ương để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Hai là, quyết tâm thực hiện nhiệm vụ thu NSNN, phấn đấu hoàn thành dự toán thu ở mức cao nhất phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

(3) Bám sát tinh thần Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV nhiệm kỳ 2025-2030, thường xuyên rà soát, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý thu NSNN, nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế, đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật và phù hợp với quy định hiện hành. Triển khai đầy đủ và kịp thời các chính sách thuế nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế, ổn định nguồn thu NSNN.

(4) Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường tăng cường phối hợp trong công tác quản lý thuế, chống thất thu thuế, chống chuyển giá, thu hồi nợ thuế; tăng cường quản lý hiệu quả nguồn thu phát sinh từ các giao dịch thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, kinh tế chia sẻ, hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, khai thác tài nguyên khoáng sản. Kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế GTGT. Ba là, nâng cao hiệu quả quản

lý, phân bổ, sử dụng NSNN gắn với các mục tiêu về tái cơ cấu nền kinh tế, phát triển bền vững.

(5) Tập trung nguồn lực bố trí cho các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, các công trình trọng điểm của tỉnh, công trình có tính thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, như: Khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư các dự án dự kiến khởi công năm 2026 và các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 để hoàn thành, triển khai thi công các dự án như: Dự án Hàm Đường bộ qua đèo Hoàng Liên kết nối thị xã Sa Pa tỉnh Lào Cai với huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu; Hạ tầng lâm nghiệp và các vùng sản xuất tỉnh Lai Châu; đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng vùng tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Lào Cai - Lai Châu, đoạn từ nút giao cao tốc Hà Nội - Lào Cai đến cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng (tỉnh Lai Châu). Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là vướng mắc về đất đai, giải phóng mặt bằng; hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, sớm khởi công, thực hiện, hoàn thiện, đưa công trình vào vận hành, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tránh lãng phí nguồn lực. Kiên quyết điều chuyển vốn của các dự án chậm tiến độ sang các dự án có khả năng giải ngân, các dự án quan trọng, cấp bách cần đẩy nhanh tiến độ, gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công tuân thủ pháp luật, hiệu quả, chống lãng phí, tiêu cực.

(6) Các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương rà soát chặt chẽ các nhiệm vụ chi thường xuyên theo thứ tự ưu tiên, đảm bảo cân đối giữa các ngành, lĩnh vực và phương án cân đối của NSDP. Chỉ ban hành các chế độ, chính sách, nhiệm vụ làm tăng chi NSNN khi đã rà soát tính cần thiết, hiệu lực, hiệu quả, không trùng lặp và trong phạm vi nguồn lực NSDP. Triệt để tiết kiệm, nhất là các khoản chi chưa thực sự cấp thiết, tổ chức hội nghị, hội thảo, công tác phí trong và ngoài nước, mua sắm trang thiết bị đắt tiền... Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm trong tổ chức thực hiện, mua sắm tài sản công, quản lý, sử dụng tài sản, NSNN.

(7) Các sở, chủ chương trình mục tiêu quốc gia khẩn trương rà soát, đánh giá giai đoạn 2021-2025, kịp thời triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 được cấp thẩm quyền phê duyệt đảm bảo hiệu quả, các mục tiêu cụ thể của chương trình.

(8) Quản lý, kiểm soát chặt chẽ nợ công, giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay cho các công trình, dự án theo kế hoạch vay đã ký kết, thực sự có hiệu quả, đảm bảo nguồn vốn cân đối theo khả năng ngân sách địa phương. Bố trí thanh toán trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn.

Ba là, chú trọng đổi mới, nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tái cơ cấu, phát triển kinh tế nhà nước, vận hành ổn định các thị trường tài chính và dịch vụ tài chính

(9) Tiếp tục thực hiện sắp xếp bộ máy tổ chức, rà soát, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị theo nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính, đảm bảo bộ máy vận hành thông suốt, hiệu quả, xử lý các vấn đề phát sinh khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Kiên quyết xử lý tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, gây khó khăn trong thực thi nhiệm vụ.

(10) Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại theo Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW. Đẩy mạnh thực hiện mục tiêu về nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập theo chủ trương của Đảng, Nhà nước, tăng số lượng đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và tự bảo đảm chi thường xuyên; quy định rõ về nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung, thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị.

(11) Phát huy tối đa vai trò dẫn dắt, định hướng điều tiết của kinh tế nhà nước, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực then chốt, thiết yếu, tiên phong trong những ngành, lĩnh vực mới có tính chiến lược, mang lại lợi ích dài hạn cho quốc gia. Đảm bảo quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp theo đúng các quy định của pháp luật; có cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên. Đẩy nhanh quá trình xử lý dứt điểm các dự án thua lỗ, kém hiệu quả theo cơ chế thị trường và tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích cao nhất của Nhà nước, người lao động và các nhà đầu tư. Tiếp tục nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm, phát triển bền vững các thị trường vốn, thẩm định giá và các dịch vụ tài chính khác để đáp ứng nhu cầu xã hội. Tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý vi phạm, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Thúc đẩy công khai, minh bạch thông tin về doanh nghiệp và tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp.

(12) Thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành giá trên cơ sở tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá trên thị trường. Công khai, minh bạch, điều tiết hài hòa lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, doanh nghiệp và Nhà nước trong điều hành các hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn và kiên quyết xử lý các hành vi tăng giá bất hợp lý.

(13) Các sở, ban, ngành tỉnh, các địa phương chủ động xác định các dự án đầu tư có tính cấp thiết, lan tỏa, hoàn thiện hồ sơ thủ tục để có cơ sở giao vốn và giải ngân được ngay; rà soát, đề xuất, triệt để cắt giảm, bãi bỏ các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh không còn phù hợp; không lồng ghép, bổ sung các điều kiện kinh doanh mới trong các văn bản quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Kịp thời giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tạo môi trường ổn định, động lực để thu hút các thành phần kinh tế tích cực đầu tư phát triển kinh tế xã hội.

(14) Thực hiện tốt ba đột phá chiến lược về thể chế số, hạ tầng số và nhân lực số, phấn đấu đưa toàn bộ các dịch vụ công lên các nền tảng số, nâng cấp nền kinh tế số, thúc đẩy chuyển đổi số một cách thần tốc, hiệu quả, vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số ở trình độ cao, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam mạnh, có năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Trên đây là Báo cáo công khai số liệu, thuyết minh dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2026 trình HĐND cấp tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện kiểm sát, TAND tỉnh;
- Giám đốc Sở (Báo cáo);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Ban biên tập Trang Thông tin điện tử Sở Tài chính;
- Lưu: VT, VP, QLNS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Quý Dương